

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN VĂN THÀNH
(THÍCH QUẢNG HỢP)

**NGUYÊN LÝ TÍNH KHÔNG TRONG
TRUNG QUÁN LUẬN CỦA BỒ TÁT LONG THỌ
VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ**

Chuyên ngành: Triết học

Má số: 62.22.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Công trình được hoàn thành tại:

Học viện khoa học xã hội

Người hướng dẫn Khoa học: PGS.TS. Hoàng Thị Thơ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước hội đồng đánh giá luận án cấp học viện,
tại Học viện khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Thời gian: Vào hồi.....ngày.....tháng.....năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội

NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Trần Văn Thành (2013), “*Nguồn gốc tư tưởng Trung Quán Luận của Bồ Tát Long Thọ*”, *Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo*, số 2, tr. 32 – 37.
2. Lê Thị Thu Dung – Trần Văn Thành (2013), *Tính Không trong Trung Quán Luận với việc tham gia giao thông ở Việt Nam hiện nay*, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 9, tr. 68 – 77.
3. Thích Quảng Hợp (Trần Văn Thành) (2014), *Tìm hiểu đôi nét ảnh hưởng của Trung Quán Luận trong lịch sử phát triển Phật giáo*, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, số 1, tr. 68 – 77.
4. Trần Văn Thành (Thích Quảng Hợp) (2015), *Trung Quán Luận trong lịch sử phát triển Phật giáo*, *Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, tr.26- 38
5. Thích Quảng Hợp (Trần Văn Thành) (6/2015), *Duyên khởi trong Trung Quán Luận và ảnh hưởng của nó tới Thiền Phật giáo thời Lý Trần*, *Tạp chí giáo dục lý luận*, số 230, tr.156 – 160.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay, đang đặt ra những yêu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng triết học, tôn giáo. Ngoài việc nghiên cứu tri thức lý luận, nhận thức luận đúng đắn về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, còn phải quan tâm nghiên cứu các trào lưu tư tưởng triết học truyền thống cũng như tư tưởng ngoại lai. Bởi vì chúng cũng là một phần trong lịch sử phát triển tri thức, nhận thức của dân tộc và nhân loại.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam khoảng đầu Công Nguyên, song nói tới Phật giáo Việt Nam người ta thường hay nhắc tới thời vàng son lịch sử Phật giáo thời Lý – Trần, thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử đã hợp nhất ba dòng thiền (Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Thảo Đường, Vô Ngôn Thông) thành một dòng thiền mang đậm triết lý Tính Không được thể hiện thành tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam, từ vua quan đến thứ dân, sống tỉnh thức, không kệt chấp trong cuộc sống tu hành và cuộc sống đời thường.

Tư tưởng của người Việt Nam chịu ảnh hưởng không ít từ triết học của Phật giáo, mà nền tảng tư tưởng của các tông phái Phật giáo Đại thừa như Thiền tông, Tịnh độ tông, Mật tông đều trực tiếp từ tư tưởng Tính Không của Bồ Tát Long Thọ. Mặc dù, không tránh khỏi những bất cập nhất định có tính lịch sử cụ thể, nhưng Tính Không như một nguyên lý Phật giáo Đại thừa từng làm thay đổi cả một khuynh hướng phát triển của Phật giáo.

Trong tiến trình lịch sử, đã có sự hòa quyện, giao thoa giữa Phật giáo với nhiều tôn giáo khác nhau, nhưng Phật giáo vẫn giữ được nét độc đáo riêng. Phật giáo gắn bó, đồng hành với nhiều dân tộc trên thế giới và có ảnh hưởng to lớn, sâu rộng đến đời sống tinh thần của tín đồ trên nhiều phương diện và trong các tôn giáo.

Trong các tôn giáo, Phật giáo là một học thuyết thể hiện tính triết lý sâu sắc, mà *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ (Nagarjuna, khoảng 150-250 CN) là sự kế thừa và phát triển tinh thần “Không”, “Vô”, “Bất”, “Phi” vốn có từ nguồn gốc Phật giáo Nguyên thủy, được thể hiện trong *Kinh Kim Cương Bát Nhã* thành hệ thống tư tưởng của Phật giáo Đại thừa.

Từ thực tế đó trở về nghiên cứu hệ thống tư tưởng triết học cơ bản nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ là việc làm cần thiết, có ý nghĩa lý luận đối với triết học Phật giáo. Tính Không trong Phật giáo nói chung, trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ nói riêng là vấn đề cốt lõi, thuộc bản thể luận, nhận thức luận của triết học Phật giáo. Nó là tiền đề lý luận quan trọng để nắm bắt được mắt xích của toàn bộ các triết thuyết độc đáo của Phật giáo nói chung và của Thiền tông Đại thừa nói riêng. Từ đó có thể hiểu và giải thích được toàn bộ sự phát triển của các tông phái Phật giáo và các hình thức đa dạng của nó.

Tuy nhiên, đến nay vẫn còn một số ý kiến chưa thống nhất về vấn đề Tính Không của Phật giáo Đại thừa nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng. Chẳng hạn, có người nhầm hiểu Tính Không là tro lì, trống rỗng, không tác dụng, không phải Niết bàn, và từ đó sinh hoài nghi cả Phật giáo. Nghiên cứu vấn đề nguyên lý Tính Không của Phật giáo nói chung và của *Trung Quán Luận* nói riêng, không có nghĩa là đoạn tuyệt nền triết học cũ, mà ngược lại, đó là xu hướng kết hợp biện chứng giữa triết học hiện đại với yếu tố hợp lý của triết học truyền thống.

Là một vị tu sỹ Phật giáo, bản thân tôi cần phải tu học, nghiên cứu nghiêm túc nắm vững giáo lý Phật giáo, triết học Phật giáo nói chung và về nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* nói riêng để có thể giải thích những thắc mắc của Phật tử về triết lý Phật giáo, cũng như để hiểu ảnh hưởng của triết lý nguyên lý Tính Không trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Việc thảo luận về nguyên lý Tính Không vẫn chưa bao giờ kết thúc, song thực tế ở nước ta dường như lại chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về vấn đề này.

Thêm nữa, Bồ Tát Long Thọ cũng đã từng khẳng định *nguyên lý Tính Không* diệt trừ những luận điểm siêu hình trong tâm thức tư tưởng cá nhân. Nó không chỉ là nội dung tư tưởng căn bản đối với Phật giáo Đại thừa nói chung, mà còn có vị trí quan trọng đối với tư tưởng Phật giáo Việt Nam, con người Việt Nam.

Với một số lý do trên, tác giả luận án này lựa chọn đề tài ***Nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận của Bồ Tát Long Thọ và ý nghĩa của nó*** làm đề tài nghiên cứu của luận án thuộc chuyên ngành lịch sử triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

+ *Mục đích* của luận án là nghiên cứu làm rõ nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ và làm rõ ý nghĩa của nó.

+ *Nhiệm vụ nghiên cứu* cụ thể là:

- Khái quát tiền đề, nhân tố cá nhân đối với sự hình thành nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ tát Long Thọ.

- Phân tích nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ từ tiếp cận triết học.

- Làm rõ ý nghĩa nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ đối với Phật giáo nói chung và Phật giáo Việt Nam, con người Việt Nam nói riêng.

3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý thuyết

Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận về duy vật biện chứng - duy vật lịch sử và các quy luật phát triển của lịch sử tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin. Các giá trị tư tưởng của tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng; Ngoài ra luận án còn dựa trên các thành tựu lý luận về triết học Phật giáo nói chung, triết học Phật giáo Việt Nam nói riêng và một số bản dịch *Trung Quán Luận* bằng tiếng Việt.

- Phương pháp nghiên cứu:

Để đạt được Mục tiêu và Nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra, luận án vận dụng các phương pháp lịch sử – logic, phân tích – tổng hợp, so sánh - đối chiếu và kết hợp các phương pháp nghiên cứu liên ngành: triết học, sử học, văn học, Phật học, Thiên học, Tôn giáo học, đạo đức học...

4. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài luận án lấy *đối tượng nghiên cứu* là nội dung nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ và phân tích ý nghĩa của nó đối với Phật giáo nói chung, Phật giáo Việt Nam và con người Việt Nam nói riêng.

Phạm vi nghiên cứu của Luận án: về mặt khoa học là nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* theo tiếp cận triết học; về tài liệu gốc

luận án dựa vào hai bản Việt dịch có uy tín là: *Trung Quán Luận* (2001) của Chánh Tấn Tuệ và *Trung Luận* (2008) của Thích Thanh Từ. Ngoài ra, luận án còn tham khảo một số kinh Phật để minh chứng cho các luận điểm cần thiết trong đề tài. Về thời gian và không gian gắn liền với thời đại Long Thọ và Phật giáo Đại thừa Ấn Độ, Trung Quốc và liên hệ với lịch sử Phật giáo Việt Nam, trên các vấn đề có liên quan từ góc độ một tu sĩ Phật giáo Đại thừa.

5. Đóng góp mới của luận án

Trên cơ sở tiếp thu các đề tài đi trước, luận án tập trung đóng góp một số ý sau:

- Làm rõ hơn tiền đề tư tưởng nguyên lý Tính Không trong Ấn Độ cổ và tư tưởng của Đức Phật trong kinh điển Nguyên thủy Phật giáo.
- Khái quát và đánh giá nội dung nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ từ tiếp cận triết học.
- Chỉ ra một số ảnh hưởng của nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* đến lịch sử phát triển Phật giáo Đại thừa và việc hình thành một số đặc điểm nổi bật của tư tưởng nhập thế của Phật giáo Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của Luận án

- *Ý nghĩa lý luận*: Đề tài góp phần hệ thống, phân tích và đánh giá tư tưởng nguyên lý Tính Không của Phật giáo Đại thừa qua tác phẩm *Trung Quán Luận* của Long Thọ - một đại diện tiêu biểu nhất của Phật giáo Đại thừa từ góc độ triết học. Đề tài hy vọng sẽ bổ sung thêm cho lý luận về triết học Phật giáo nói riêng và triết học phương Đông nói chung.

- *Ý nghĩa thực tiễn*: Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy và học tập về tư tưởng triết học Phật giáo nói chung và Phật giáo Đại thừa trong tác phẩm *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Phụ lục, Luận án gồm 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tư liệu về bối cảnh Ấn Độ trước Bồ Tát Long Thọ

Thích Thanh Kiểm (1971), *Lược sử Phật giáo Ấn Độ*, Quê Hương (tái bản lần thứ nhất); Doãn Chính (1999), *Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội; Kimura Taiken (1998), *Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận*, Thích Quảng Độ dịch, Nxb Thành Hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành; Nguyễn Hùng Hậu (2002), *Đại cương triết học Phật giáo*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội; Nguyễn Hữu Vui (chủ biên - 2007), *Lịch sử Triết học*, Nxb chính trị quốc gia; T.R.V. Murti, (2012), *Tính Không cốt tủy của triết học Phật giáo*, Huỳnh Ngọc Chiến dịch, Nxb Hồng Đức; Hoang Phong (dịch, 2013), *Khái niệm Tính Không trong Phật giáo*, Nxb, Hồng Đức... Trong đó đáng chú ý là các tác phẩm sau:

Cuốn *Triết học Ấn Độ* (2002) của Hà Thúc Minh, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh đã khái quát hóa triết học Phật giáo từ thời Thích Ca tới Long Thọ, trong đó đã nêu bật được sự hình thành tam tạng kinh điển. Từ đó Hà Thúc Minh khái lược quan niệm về Không, Trung đạo của Long Thọ: “... về vấn đề bản thể (tồn tại, pháp), đã tránh được pháp hữu và pháp vô.

Cuốn *Lịch sử Triết học* (2008) của Nguyễn Hữu Vui (chủ biên), chương 2 (trang 109) đã khái quát sự hình thành lịch sử Phật giáo Ấn Độ Cổ - Trung đại, đồng thời đã nêu bật được nhân sinh quan của Phật giáo với tư tưởng “*Vô ngã*”, “*Vô thường*”. Nhân sinh quan Phật giáo bác bỏ ý nghĩa thần thánh của Đại ngã (Braman) và Tiểu Ngã (Atman), nhưng tiếp thu nhân sinh quan biện chứng về luân hồi (samsara) và nghiệp (karma) của Bà La Môn giáo

Cuốn *Giáo trình triết học Mác – Lênin* (2008) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, do Nguyễn Ngọc Long và Nguyễn Hữu Vui chủ biên đã khái quát được về triết học, lịch sử triết học, đã có phần khái quát hoàn cảnh ra đời triết học và đặc điểm của triết học Ấn Độ Cổ - Trung đại. Khi bàn tới vấn đề bản thể luận, một số học phái thường tập trung bàn tới vấn đề Tính Không, lấy không để đối với có, quy cái có về cái không, chứng tỏ có một tư duy khái quát cao vào thời đó.

Cuốn *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ* (2008) của Thánh Nghiêm, do Thích Tâm Trí dịch, nhà xuất bản phương Đông, đã khái quát về Ấn Độ trên các phương diện lịch sử, tôn giáo, tư tưởng, đời sống, khoa học, nghệ thuật..., như Ấn Độ như một đại lục hình tam giác khổng lồ, có nhiều loại chủng tộc chung sống tạo ra nhiều văn hóa khác nhau. Xã hội Ấn Độ phân chia làm bốn giai cấp. Bốn giai cấp này phân biệt hà khắc, không có bình đẳng về sinh hoạt trong cuộc sống. Một số vị thần như: Thái dương thần, Thiên Thần, vũ thần, không khí thần, hỏa thần..., Triết học Ấn Độ chia thành bốn thời kỳ, đó là thời kỳ Veda, Sử thi, thời kỳ Kinh điển, thời kỳ Chú sớ. Một khi sáu phái triết học ra đời, phái nào cũng muốn luận tranh để tồn tại. Việc chấp hữu chấp vô là lẽ không thể tránh khỏi trong cuộc sống hằng ngày.

Cuốn *Đại cương triết học Trung Quán* của Tác giả Jaidev Singh, dịch giả Thích Viên Lý, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới Xuất Bản đăng tải trên trang web Thư Viện Hoa Sen năm 2010, đã trình bày phác thảo toàn cảnh về triết học *Trung Quán Luận*, mà Tính Không làm chủ đạo, vấn đề Đại thừa và Nguyên thủy. Theo Thượng Tọa Bộ thì tự ngã của con người vốn không có tự tính, còn các pháp là có tự tính. Còn Đại Chúng Bộ thì cho rằng ngã pháp đều không

Cuốn *Lịch sử Tư tưởng triết học Ấn Độ cổ Đại* của Doãn Chính năm 2010, phân tích lý giải rõ quá trình hình thành và phát triển của triết học tôn giáo Ấn Độ cổ đại. Trong đó đã khẳng định sự ra đời triết lý Vô ngã vô thần đối nghịch lại một số tôn giáo hữu thần, thần quyền khác. Đến Đại Chúng Bộ đã có luận thuyết về vô, tức là Không luận.

1.2. Tư liệu về nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ

1.2.1. Tư liệu về nguyên lý Tính Không nói chung của Phật giáo

Trường Bộ Kinh do Thích Minh Châu dịch (1967), Nxb Viện Đại Học Vạn Hạnh; *Đại Tạng Kinh Việt Nam* (1991), *Kinh Tương Ưng Bộ*, Tập III, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành; *Kinh Kim Cương*, Thích Trí Quang dịch và chú giải (1994), Nxb TP. Hồ Chí Minh; *Đại Tạng Kinh Việt Nam* (1999), *Kinh Tiểu Bộ*, Tập I, Nxb. TP. Hồ Chí Minh; *Kinh Trung Bộ (trọn bộ 3 tập)*, dịch giả Thích Minh Châu, tóm tắt và chú giải Thích Nữ Trí Hải, (2002), Nxb Tôn Giáo; *Chư Kinh Nhật Tụng*; ...là

những kinh sách có thông tin cho thấy tư tưởng Tính Không đã có trong kinh điển Phật giáo Nguyên thủy với những khái niệm liên quan trực tiếp và gián tiếp như giáo lý *Vô thường*, *Vô ngã*, *Không* của vạn pháp, phàm vật gì có hình tướng đều bị quy luật *vô thường* chi phối, đều bị hư hoại cả.

Trong *Kinh Phật Tự Thuyết* (Udana), thuộc *Tiểu Bộ Kinh* I, Đức Phật đúc kết nguyên lý Duyên khởi. Nếu như cái này có mặt thì cái kia có mặt, cái này không có mặt thì cái kia cũng không có mặt, cái này hay cái kia sinh ra được là do nương duyên vào nhau mà hiện khởi.

Đặc biệt, trong *Kinh Tương Ứng* III, Đức Phật giảng về *quán sắc-không* qua hình ảnh đám bọt nước đang trôi giữa dòng sông Hằng. Bọt nước và ráng mặt trời đều “trống không, hiện rõ ra là rỗng không” có tướng cố định.

Kinh Phạm Võng được coi là chuyên luận về giới Bồ Tát, dành cho chúng Phật tử tại gia khi thụ giới Bồ Tát, có đoạn nói về thực tướng Không của vạn pháp. Điểm này tương đồng với tư tưởng “Bát bất” trong *Trung Quán Luận* của Long Thọ.

Trong *Kinh Kim Cương*, Đức Phật còn thuyết giảng về “ngã không và pháp không” và nhiều khi còn nhấn mạnh rằng tâm con người ta qua ba thời cũng đều là vô ngã, không thể có, tức Không: “tâm quá khứ không thể có, tâm hiện tại không thể có, tâm vị lai không thể có”.

1.2.2. Tài liệu về nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận

* Tài liệu liên quan đánh giá nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận

Thích Tâm Thiện (1999), *Lịch sử tư tưởng và triết học Tánh Không*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; Thích Hạnh Bình (2007), *Triết học Có và Không*, Nxb Phương Đông, Hà Nội; Tuệ Hạnh (dịch) (2007), *Tăng Triệu và Tánh Không học Đông phương*, Nxb Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh; Thích Nữ Giới Hương (2007), *Bồ Tát và Tánh Không trong Kinh Tạng Pali Và Đại thừa*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh; Đoàn Trung Còn (2008), *Phật Học Từ Điển*, Nxb Tổng Hợp, TP. Hồ Chí Minh; Đoàn Văn An (2011), Quan niệm về Tính Không (sunyata) trong *Kinh Kim Cương*, Tạp chí Triết học, số 1/2011, tr. 71-77... Song đáng chú ý là các tài liệu sau:

Trong *Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận*, Kimura Taiken đã giành chương 3 đề cập chi tiết về cuộc đời, các trước tác, tư tưởng của Long Thọ,

đề cập tới tư tưởng các pháp vốn do duyên sinh. Ngay cái gọi là không cũng không. Do thế *Kinh Bát Nhã* nói: “Không không”, “Đại không”.

Hoàng Thị Thơ (2005), *Lịch sử tư tưởng Thiền từ Vê Đa Ấn Độ tới Thiền tông Trung Quốc*, nhà xuất bản khoa học xã hội Hà Nội cũng đề cập đến tư tưởng Tính Không của Long Thọ và cho rằng trên cơ sở Tính Không Long Thọ đã đưa ra hai loại chân lý: chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối. Chân lý tuyệt đối là siêu vượt ngôn ngữ, không thể dùng ngôn ngữ thông thường diễn đạt được. Nắm bắt chân lý tuyệt đối phải bằng trí tuệ Bát Nhã mới có thể nắm bắt được. Chân lý Tuyệt đối từ góc độ giải thoát cũng là Niết bàn.

Trong tác phẩm *Khái niệm Tánh Không trong Phật giáo* (2013), do Hoang Phong sưu tầm và dịch đã khái quát được các nội dung về khái niệm Tính Không của Phật giáo. Khái niệm này đã được xuất phát từ thời Đức Phật còn tại thế, khi Đức Phật thuyết giảng về tánh không, về vô ngã. Đây là một tác phẩm dịch có tính học thuật cao về Tính Không, song là người miền Nam nên thường dùng từ Tánh Không.

Theo cuốn *Tinh hoa triết học Phật giáo* của Junjiro Takakusu người Nhật sáng tác, Tuệ Sỹ dịch (2008), nhà xuất bản phương Đông đã nêu được bối cảnh Ấn Độ, Phật giáo Ấn Độ, Đức Phật, với Tứ Đế là chân lý của Phật giáo. Chữ “*Không*” trong nghĩa cao nhất không có nghĩa là “không chi cả”. Đây là một nhận định có giá trị triết học về tư tưởng Không trong *Trung Quán Luận*.

Thích Thanh Kiểm đã đề cập đến hệ thống Triết học Trung đạo và lược truyện Long Thọ. Ông cho rằng Long Thọ được coi là tổ khai sáng của Thiền tông, Tịnh Độ Tông, Mật Tông, Hoa Nghiêm Tông, Tam Luận Tông, nhưng giáo nghĩa căn bản của Long Thọ thì chính là tư tưởng Trung đạo, thể hiện rõ trong *Trung Quán Luận*. Long Thọ gọi đó là “chư pháp thực tướng”, “*chân Không vô tướng*”.

Thích Thiện Siêu (2000) *Vô Ngã là Niết bàn*, Nxb. Tôn Giáo Hà Nội, đã lý giải được Vô ngã có liên hệ với cảnh giới Niết bàn, đặc biệt nhấn mạnh vô ngã ở đây là Không Tướng, Niết bàn cũng là Không Tướng, tức Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Long Thọ.

Tác phẩm *Triết học có và không của Phật giáo Ấn Độ* (2007) của Thích Hạnh Bình, nhà xuất bản phương Đông đã giải thích và phân tích được phần nào giáo nghĩa “không” theo tư tưởng Duyên khởi của Phật giáo Đại thừa.

Trong cuốn *Phật học phổ thông* (2008), quyển 3, tái bản lần thứ tư của Thích Thiện Hoa khi bàn tới *Kinh Kim Cương* với tinh thần Không: không nên trụ chấp vào một nơi nào. Chấp chính pháp và phi pháp không khác gì chấp vào Hữu và Vô trong *Trung Quán Luận*. Đây là biện chứng pháp phủ định được Long Thọ tiếp thu để triển khai tư tưởng Không trong *Trung Quán Luận*.

Phật học Từ Điển (2008) của Đoàn Trung Còn, nhà xuất bản Tổng hợp, thành phố Hồ Chí Minh giải thích khái lược về ý nghĩa Trung quán là quán sát lý Không theo Duyên khởi Phật giáo.

Trong bài viết *Quan niệm về Tính Không (sunyata) trong Kinh kim cương*, (Tạp chí Triết học, số 1, 2011), Đoàn Văn An đã khái quát được tinh thần cơ bản của Tính Không (Sunyata) trong *Kinh Kim Cương* có liên hệ với Tư tưởng Không của *Trung Quán Luận*. Tác giả của bài báo này chỉ lướt qua tư tưởng Không trong *Trung Quán Luận*.

Theo T.R.M.Murti viết về *Tính Không cốt tủy triết học Phật giáo*, mà Huỳnh Ngọc Chiến dịch (2012), ông đã cho rằng Tính Không là cốt tủy của giáo lý Phật giáo, cũng là triết lý, là tư tưởng vô ngã, vô chấp.

Theo cuốn *Tính Không học tham nguyên cũng* của Ấn Thuận, ở chương 1 đã đánh giá Không là pháp tốt cùng của pháp Phật, và cũng cho rằng biết được Không thì biết được Có.

Bài *Lược thuật về pháp giới duyên khởi của Tông Hoa Nghiêm*, (Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 1, 2013) Tác giả Thích Diễm Tuệ, dịch giả Quảng Lâm đã nói rõ quy luật các pháp không tự sinh, không thể tự diệt mà các pháp phải dựa vào duyên sinh, tương hỗ lẫn nhau, nên gọi đó là Duyên khởi hay gọi là Duyên khởi Tính Không. Bài viết này, cho thấy tư tưởng biện chứng Chân như không rời sinh diệt, sinh diệt không rời Chân như, tuy hai mà là một.

Theo cuốn *Triết lý nhà Phật* của Đoàn Trung Còn (2014) cho hay Long Thọ thuộc đẳng cấp Bà La Môn, theo Đại thừa, ngài là người sáng

lập ra phái Trung Luận, lấy thuyết Không làm cốt lõi để phát triển luận thuyết. Ngài hưởng thọ chừng sáu mươi tuổi.

Mới đây, bài “*Để đọc hồi tránh luận của Long Thọ*” (2015) của tác giả Vũ Thế Ngọc trong Tạp chí *Suối Nguồn* của Trung tâm dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang đã bàn về một số điều kiện cần biết để hiểu *Trung Quán Luận*. Đó là phải sáng tỏ được tư tưởng Không và Tính Không. Theo Vũ Thế Ngọc, tác phẩm *Hồi Tránh Luận* và *Trung Quán Luận* là những tác phẩm xuất sắc của Long Thọ lý giải về thực thể các pháp vốn là Không. Vũ Thế Ngọc còn khẳng định rằng Bát bất là phương pháp phủ định, tám cái phủ định bằng từ Bất làm cho Tính Không được hiện hữu: như không sinh, không diệt, bất thường bất đoạn... Sự hiện hữu được như vậy là nhờ vào Tính Không diệu hữu.

Theo đánh giá của P.T.Raju, trong “*Idealistic Thought of India*”, thì tác giả của tác phẩm *Trung Quán Luận* này là “một nhà biện chứng độc đáo. *Trung Quán Luận* rất được quan tâm bởi các học giả trên cả thế giới.

* *Tài liệu trực tiếp về nội dung nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận*

Theo cuốn *Trung Quán Kim Luận (Nay luận về Trung Quán)* của Ấn Thuận, Tục Minh ghi, Diệu Vân biên tập, gồm 2 tập. Phần tựa của tập 2 giới thiệu ca ngợi Phật thuyết Duyên khởi, ca ngợi tư tưởng Tính Không của Long Thọ, không có vật gì là không từ nhân duyên mà thành “duyên khởi, phàm thị duyên khởi đích, ... tác dụng đích duyên khởi pháp”.

Thích Quảng Liên dịch và giải thích (1994) *Trung Quán Luận*, (Nxb Tu Viện Quảng Đức) giúp cho người học, người nghiên cứu dễ hiểu hơn về giáo lý Phật cũng như tư tưởng *Trung Quán Luận*. Dịch giả cũng đã khái quát sự hình thành tư tưởng Tính Không, và cũng tóm lược đại ý của từng phẩm, ví dụ như phẩm 18- *Quán ngã pháp*, đại ý “các pháp là vô ngã tức Không”.

Trung Luận, do Thích Thiện Siêu (dịch và tóm tắt, 2001), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. Bản dịch này được dịch giả y theo bản gốc, ngoài ra còn nêu đại ý của Long Thọ muốn gửi gắm vào giáo pháp nhằm cảnh báo những ai cố chấp vào pháp sẽ khó có thể giác ngộ giải thoát.

Tác phẩm *Luận giải Trung Luận Tính Khởi và Duyên khởi* (2003) của Hồng Dương & Nguyễn Văn Hai, nhà xuất bản Tôn giáo đã cho rằng để hiểu được *Trung Luận* một cách nhất quán cần hiểu về Tính Không. Sự

vật là không, tức nói nó sinh khởi hay hình thành do nhân duyên. Qua đó ta thấy cái diệu dụng của Không, là do duyên sinh thành ra vạn hữu.

Tác phẩm *Trung Quán Luận* (2007) Quảng Liên dịch và giải thích, đã làm rõ sự phân biệt giữa “Chân Không Diệu Hữu” trong *Trung quán Luận* với cái “không” theo nghĩa là hư vô, là không có gì mà thế gian thường hiểu.

Trung Luận của Thích Thanh Từ giảng giải (2008), cho biết một số thông tin về văn bản: “*Trung Luận* tức *Trung Quán Luận* do Bồ Tát Long Thọ tạo, Bồ Tát Thanh Mục giải thích, Đời Diêu Tần, Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch Phạn – Hán. *Trung Luận* đã được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau giúp cho việc nghiên cứu Tính Không của Luận án thuận lợi hơn. phân tích được Không theo ba nghĩa: Phân tích tức Không, quán tưởng Không, đương thể tức Không.

Theo *Trung Quán Luận tụng giảng ký*, do Ấn Thuận giảng giải được tư tưởng các pháp đều là Không. Nhờ đó mà các vấn nạn về Có - Không đã được giải đáp, theo tinh thần quy về *Trung Quán* tức Tính Không.

Dịch giả Chánh Tấn Tuệ đã dịch và giải thích *Trung Quán Luận* đã diễn bày được một phần nào cốt tuỷ của Tính Không cũng như mối tương quan giữa Tính Không và Duyên khởi của bộ luận này. Ông đã khẳng định qua Lời nói đầu rằng: “Ngộ được Tính Không tức hiểu được thực lý Duyên Khởi”. Qua đó ta thấy Lý Duyên khởi và Tính Không có mối liên hệ mật thiết quan lại với nhau.

Trên đây là những tư liệu liên quan tới *Trung Quán Luận*, liên quan tới Tính Không. Những bản dịch đó đảm bảo về nội dung, tuy mỗi thời gian, mỗi người dịch có khác câu cú nhưng vẫn giữ được nội dung tư tưởng Không của Phật cũng như Không trong *Trung Quán Luận* của Long Thọ.

1.3. Tư liệu về ý nghĩa nguyên lý Tính Không của Bồ tát Long Thọ trong *Trung Quán Luận*

Thích Thanh Kiểm (1992), *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc*, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, đã ghi chép Phật giáo truyền vào Trung Quốc, hình thành nhiều tông phái, Thiền, Tịnh Độ tông, Mật tông... Song Thiền học đã tiếp thu tư tưởng Tính Không từ *Trung Quán Luận*. Cưu Ma La Thập đã dịch *Trung Quán Luận*, góp phần làm *Trung Quán Luận* lan rộng ở Trung Quốc.

Pháp Bảo Đàn Kinh được Lục Tổ Huệ Năng giảng, Ngài Pháp Hải ghi lại, (năm 1992) Thích Duy Lực dịch và lược giải, Trong Kinh Lục Tổ Huệ Năng nói tới cái diệu lý của chư Phật nằm ngoài ngôn ngữ, nhưng lìa ngôn ngữ thì không thể hiểu ý Phật.

Ở Việt Nam, Phật giáo truyền vào rất sớm khoảng đầu Công Nguyên nhưng việc dịch và nghiên cứu *Trung Quán Luận* diễn ra muộn hơn Trung Quốc và chủ yếu chỉ là từ các văn bản đã dịch sang tiếng Hán.

Trong tác phẩm *Triết học Phật giáo Hoa Nghiêm Tông*, Nxb Tôn giáo (tr.127-136), Garma C.C.Chang nhận định rằng tư tưởng Triết học Phật giáo Đại thừa của Vô Trước, Mã Minh, Thế Thân, Long Thọ, và Nguyệt Xứng đều dùng giáo lý Không.

Theo cuốn *Duy thức học yếu luận* (2005) do Thích Từ Thông biên dịch, Thế Thân Bồ Tát cho rằng tất cả thế gian này đều do thức biến, thức đó cũng là vô ngã. Điều này chức tỏ *Duy Thức Học* tiếp tục phát triển lý luận rất gần với Tính Không trong *Trung Quán Luận* trong các vấn đề nhận thức luận của Phật giáo.

Trong cuốn *Lịch sử tư tưởng và triết học Tánh Không* (1999) của Thích Tâm Thiện đã khái quát được về lịch sử ra đời của tư tưởng Triết học Tính Không. Luận về thế giới quan Phật giáo, có sự kế thừa và phát triển từ một số thuyết của *Veda Upanisad*. Phân bộ phái Phật giáo thành Đại Chúng Bộ và Thượng Tọa Bộ, Nhất Thiết Hữu Bộ cho rằng mọi pháp là có, hoặc là Không. Luận thuyết của Đại Chúng Bộ theo lý pháp không.

Vào năm 2003, Nguyễn Hùng Hậu với tác phẩm *Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam* đã cho thấy tư tưởng triết học Phật giáo Việt Nam luôn chứa đựng cốt lõi tư tưởng vô ngã, không của Phật giáo nói chung trên nhiều lĩnh vực, như thế giới quan Phật giáo, nhân sinh quan Phật giáo Việt Nam.

Trần Thái Tông sáng tác *Khoá hư lục*, tác phẩm này là một công trình quan trọng mà luận án tiếp thu nhiều nội dung chuyên về tư tưởng Tính Không của *Trung Quán Luận* từ góc độ Phật học, Sử học, Thiền học. đã để lại nhận định đời người vô thường qua bốn núi (sinh, lão, bệnh, tử), vạn vật tất cả đều là không cho thấy ảnh hưởng rất rõ của Tính Không tới Phật giáo Việt Nam.

Hoàng Thị Thơ với bài “Thuyết Tính Không của Long Thọ với sự Phát triển của Phật giáo” trên *Tạp chí Phật học* số 6 /2009 trang 10 – 13 đã giới thiệu con người Bồ Tát Long Thọ và sự kế thừa tư tưởng Tính Không từ tinh thần *Bát Nhã Kinh* đặt nền móng cơ bản cho các trường phái của Đại thừa. Ở Việt Nam, *Trung Quán Luận* truyền vào và ảnh hưởng tới hầu hết các dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, Trúc Lâm Yên Tử. Tư tưởng Triết học *Tính Không* của *Trung Quán Luận* được người Việt Nam tiếp thu theo tinh thần đặc trưng của Thiền tông.

Đoàn Văn An trong *Luận án tiến sĩ* (2011) về “*Tư tưởng triết học trong Kinh Kim Cương*” đã nhận định: “*Trung Quán Luận* của Long Thọ. Với tác phẩm này Long Thọ đã triển khai triệt để tư tưởng Bát Nhã để xây dựng thuyết “Duyên khởi- Tính Không” theo lập trường Trung đạo.

Vào năm 2013, Thái Huyền với “*Tinh thần Trung Quán với Thiền tông Trung Hoa*” (*Tạp chí Nghiên cứu Phật học* số 1/2013) đã khẳng định tầm quan trọng của Tính Không (Sunyata) ngay từ Phật giáo Nguyên thủy, giáo lý trung Quán tự bản chất vốn đồng nhất với giáo lý Thiền, dị biệt duy nhất chỉ ở chỗ, thiền biểu thị trực tiếp, phản ánh thực tiễn và linh hoạt hơn.

Quảng Tuệ có bài “*Sự Thống nhất trong dị biệt giữa Thiền và Tịnh*” cho biết, giải thoát là Thanh tịnh là bản lai diện mục, nó cũng là Tính Không diệu hữu có ý nghĩa phản ánh trong mỗi con người đều có Tính Không diệu hữu này. Sự phát triển tiếp tục Tính Không ở Thiền tông Trung Hoa ảnh hưởng tới Phật giáo Việt Nam ngày nay.

Vũ Thế Ngọc có bài viết “*Long Thọ và Trung Luận*” được in trên tạp chí Suối Nguồn của Trung Tâm Huệ Quang (2013). Bài viết cho rằng Long Thọ không hề sáng lập ra một học thuyết nào, mà ngài chỉ trùng tuyên lại giáo lý của Đức Phật Thích Ca. Thời Long Thọ nhiều phái ngoại đạo hình thành trên hai quan điểm đối chọi chính như về Hữu - Vô là vấn đề tranh luận đương thời. .

1.4. Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong luận án

- *Thế giới quan Phật giáo (Buddhist worldview)* là hệ thống quan niệm của Phật giáo về bản chất thế giới, cấu trúc thế giới và cùng các quy luật vận động, tồn tại của thế giới và trong đó cũng liên hệ tới vị trí của

con người trong thế giới nhằm giải đáp những vấn đề về mục đích, và ý nghĩa cuộc sống của con người.

- *Nhân sinh quan Phật giáo (Buddhist outlook on life)* là những quan niệm của Phật giáo về bản chất người, sự sống, về cuộc đời và ý nghĩa cuộc đời của con người.

- *Nguyên lý (Principles)* theo *Từ điển triết học* của M.Rô – Den – Tan và P.I.- U- Đin xuất bản năm 1986 trình bày: Nguyên lý là khái niệm trung tâm, là cơ sở có tính hệ thống, khái quát của một luận điểm căn bản có tính trừu tượng cao định hướng cho cả hệ thống lý luận.

- *Tính Không (Sunyata)* theo *Từ Điển Phật học Hán Việt* của Phân viện nghiên cứu Phật học xuất bản năm 2004, “*Tính Không là một trong 18 Không*”.

- *Nguyên lý Tính Không (Principle of Sunyata)* là cơ sở căn bản cho học thuyết không tự tính của vạn vật, kéo theo đó là hệ thống nhất nhận thức luận Bát nhã, giải thoát luận hướng nội bình đẳng vô thân.

- *Trung Quán (Madhyamaka)* là một phương pháp tư duy được Long Thọ dùng để giúp nhận thức tránh kẹt vào chấp Hữu hoặc chấp Vô (tránh cả hai thái cực) để thấy được các pháp đều do vô vàn nhân duyên hòa hợp và vận động, biến đổi liên tục nên không có “Hữu” và “Vô” còn gọi là vô tướng.

- *Trung Quán Luận (Madhyamaka sastra)* là một tác phẩm quan trọng của Long Thọ, lý luận về sự quán sát sự vật theo lý Duyên khởi Trung đạo, siêu việt các tướng, không vướng vào nhị biên (có – không).

- *Vô thường (Anitya)* là quy luật về sự thay đổi không dừng chi phối toàn bộ vũ trụ, con người và vạn vật. Sự vật luôn luôn biến đổi không có gì là thường trụ, bất biến, thường còn.

- *Vô ngã (Anatman)* là không có cái Ta. Theo luật vô thường thì không có cái Ta trường tồn, vĩnh cửu. Mà cái Ta nó biến đổi không ngừng, từng giờ, từng sát na.

- *Ngũ ấm (Skandha)* là năm yếu tố cơ bản tạo nên con người gồm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

- *Chân như (Bhuta Tathata)* có nghĩa là chân thực.

- *Hữu vô (Bhava Negtive)* là cặp phạm trù lớn nhất mà *Trung Quán Luận* cố gắng xử lý qua phương pháp Trung đạo. Theo giáo lý nhà Phật thì

các pháp do nhân duyên sinh khởi như huyễn như hóa. Khi nhân duyên hòa hợp thì là có, khi nhân duyên ly tán thì là không.

- *Pháp (Dhamma)* là chỉ hết thảy vạn vật, hữu hình vô hình, chúng sinh, thế giới... vạn pháp không tính.

1.5. Những nội dung kế thừa và triển khai mới trong Luận án

Trên cơ sở tiếp thu kế thừa thành quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, luận án sẽ tiếp tục đi sâu nghiên cứu một số vấn đề sau đây:

- Phân tích làm rõ tiền đề, cơ sở hình thành nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ tát Long Thọ sẽ được nói rõ hơn ở chương 2 của Luận Án.

- Phân tích, luận giải nội dung nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ từ tiếp cận triết học được trình bày ở chương 3 của Luận án.

- Phân tích ý nghĩa của nguyên Lý Tính Không với Phật giáo nói chung, Phật giáo Việt Nam, và con người Việt Nam hiện nay.

Chương 2

NHỮNG TIỀN ĐỀ, NHÂN TỐ HÌNH THÀNH NGUYÊN LÝ TÍNH KHÔNG TRONG *TRUNG QUÁN LUẬN* CỦA BỒ TÁT LONG THỌ

2.1. Những tiền đề khách quan

2.1.1. Tiền đề xã hội, chính trị, kinh tế, tôn giáo

Ngay sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, có nhiều biến động về kinh tế, chính trị xã hội ở Ấn Độ, nội bộ Phật giáo bắt đầu có bất đồng ý kiến về Phật pháp, làm xuất hiện nhu cầu kết tập kinh điển để thống nhất giáo lý gốc. Asoka là vị vua quy y Tam bảo, đặt các chức quan Phật như là “Chính pháp Đại thần”, làm tiền đề tốt đẹp cho Phật giáo phát triển thành tôn giáo khu vực và tôn giáo thế giới sau này.

Đầu Công Nguyên, Vị hoàng đế vĩ đại nhất là vua Kanishka. Nền kinh tế, thương nghiệp phát triển, xã hội Ấn Độ phồn thịnh đã làm xuất hiện các tầng lớp quý tộc, quan lại, thương gia mới giàu có ủng hộ Phật pháp.

Vào đầu thế kỷ thứ II SCN, dưới triều đại Kanishka, phong trào Đại thừa Phật giáo đã phát triển mạnh cả về tổ chức Tăng đoàn và cả giáo lý.

Đức vua Kanishka vốn xuất thân đạo Bà La Môn, sau lại quy y Phật và trở thành người bảo trợ Phật giáo rất mạnh.

Xuất hiện một số kinh điển Đại thừa: *Kinh Bát Nhã, Kinh Lăng Nghiêm...*

Thời Bồ Tát Long Thọ, xã hội Ấn Độ đã phát triển hơn, phân biệt đẳng cấp, xã hội chia thành bốn đẳng cấp.

Kinh tế thời Bồ Tát Long Thọ khá ổn định, việc xây chùa cũng được quan tâm. Ngài đã biết nghề dược liệu chữa bệnh cho người, và đãi đá lấy vàng xây chùa, giúp người.

Năm 120, vua Kanishka cho đúc tiền để trao đổi hàng hóa. Nền kinh tế thương nghiệp cũng đã thoát thai từ trong lòng chiếm hữu nô lệ. Quan hệ sản xuất vẫn tồn tại chế độ công xã nông thôn, ruộng đất vẫn thuộc sở hữu vua chúa.

Về tôn giáo, người Ấn Độ quan niệm hơi thở, như là cánh cửa khai mở tâm thức. Thời Bồ Tát Long Thọ thì Bà La Môn giáo và Phật giáo là điển hình.

2.1.2. Tiền đề tư tưởng

2.1.2.1. Tư tưởng Tính Không trong lịch sử tư tưởng Ấn Độ trước Phật giáo

Khái niệm Tính Không manh nha từ trong Veda Upanishad. Brahman là cái vô hình và không thể nắm bắt, và không màu sắc, lại không mắt không tai, không Chân nhưng hằng hữu, như cái không có chỗ nào không thấu khắp cả ...

2.1.2.2. Tư tưởng Tính Không của Đức Phật

Đức Phật lý giải về Duyên sinh: “Cái này có thời cái kia có, Cái này không thời cái kia không. Cái này sinh thời cái kia sinh, Cái này diệt thời cái kia diệt.. Nhưng *Kinh Bát Nhã* lại phản ánh Tính Không của sự vật.

2.2. Nhân tố chủ quan và giới thiệu tác phẩm *Trung Quán Luận*

2.2.1. Bồ Tát Long Thọ

Long Thọ sinh ngày là ngày 24/7 âm lịch (150 – 250 CN). Ngài tính vốn thông minh. Ban đầu tu theo Tiểu thừa sau tu sang Đại thừa. Long Thọ tiếp thu tư tưởng Không trong Kinh Bát nhã. Ngài coi là Thích Ca thứ hai, được coi là tổ của nhiều tông phái.

2.2.2. Tác phẩm của Bồ Tát Long Thọ

Long Thọ trước tác nhiều tác phẩm có giá trị, song tác phẩm *Trung Quán Luận* là giá trị hơn cả trên tinh thần tư tưởng Tính Không.

2.2.2.1. Giới thiệu văn bản, dịch bản của Trung Quán Luận:

Bản gốc *Trung Quán Luận* viết bằng tiếng Sanskrit, được cho là do Long Thọ viết tại Ấn Độ. Bản dịch và chú giải của Chánh Tấn Tuệ về *Trung Quán Luận*, năm 2001, Nxb Tôn Giáo. Bản dịch và chú giảng của Thích Thanh Từ về *Trung Quán Luận*, năm 2008, Nxb Tôn giáo.

2.2.2.2. Khái lược kết cấu và nội dung của Trung Quán Luận.

Tác phẩm *Trung Quán Luận* gồm 27 chương (phẩm). Nội dung lý giải tư tưởng Tính Không. Mục đích là nhằm đề “phá” những sai lầm của Tiểu thừa cũng như của Đại thừa.

Chương 3

NGUYÊN LÝ TÍNH KHÔNG TRONG TRUNG QUÁN LUẬN CỦA BỒ TÁT LONG THỌ

Nguyên lý (原理) là luận điểm, làm tiền đề cơ bản cho một lý thuyết, một học thuyết. Tính Không là không có tự tính của sự vật và hiện tượng.

3.1. Nội dung cơ bản của nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận

3.1.1. Bản thể luận Không trong Trung Quán Luận

Long Thọ triển khai "Trung quán" trên tinh thần nhất quán thuyết Tính Không, mọi sự vật hiện tượng duyên sinh, không có tự tính, tức Tính Không.

3.1.2. Nhận thức luận Tính Không trong Trung Quán Luận

Long Thọ đã hệ thống lại các khái niệm cơ bản:

3.1.2.1. Ngã Pháp câu Không, Chân như, Niết bàn trong Trung Quán Luận

Theo tinh thần Tính Không của *Trung Quán Luận*, Ngã, Pháp đều là Không thì Chân như tức Niết bàn.

3.1.2.2. Nhận thức Trung đạo về Khổ trong Trung Quán Luận.

Khổ do chính nghiệp lực, tạo tác của chính mình tạo ra. Khổ bản chất là Không, nếu chấp vào Có – Không đều khổ cả.

3.1.2.3. Nhận thức Trung đạo về Có – Không trong Trung Quán Luận:

Theo Long Thọ, giác ngộ Có - Không là phải thấy được các pháp theo lý duyên sinh nên không có tự tính cố định.

3.1.2.4. Nhận Thức Trung đạo về Nhân - quả trong Trung Quán Luận:

Nhân - quả là một cặp phạm trù triết học quan trọng, cặp phạm trù này diễn bày lý nhân - quả dựa theo nguyên lý Tính Không, duyên sinh.

3.1.2.5. Nhận thức Trung đạo về hai loại chân lý trong Trung Quán Luận:

Long Thọ tạm phân thành hai loại chân lý: Tục đế và Đề nhất nghĩa đế, nhằm đề đả phá sự chấp trước về chân lý.

3.2. Cấu trúc của nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận

Nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* được trình bày theo cấu trúc phủ định biện chứng “Bát bất”. Tứ cú là luận điểm xuất phát để ta có thể hiểu tư tưởng của *Trung Quán Luận*. Tứ cú là bốn mệnh đề: Có, Không, vừa Có vừa Không, chẳng Có chẳng Không.

3.3. Đặc điểm cơ bản của nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận

- *Tính khách quan*: Đó là thực tính, thực tướng ổn định, luôn là như thị tri, như thị kiến, nó không phụ thuộc vào ý thức của con người. - *Tính phổ biến*: Tất cả sự vật hiện tượng đều không có tướng cố định, vì chúng luôn thay đổi, biến chuyển, nên Tính Không vẫn vốn có ở mọi lúc mọi nơi. - *Tính thực tiễn*: Tính Không đã giúp con người nhận thức đúng đắn sự vật hiện tượng với tính chất vốn có của nó. - *Tính siêu vượt ngôn ngữ, hình tướng*: nguyên lý Tính Không chỉ ra rằng mọi sự vật và hiện tượng đều không có tự tính cố định. - *Khó nhận biết*: Trong thế giới rộng mênh mông này, có những điều mà chúng ta có thể biết, Thực tính của Tính Không vốn là cái Không diệu hữu luôn vận hành sinh động nên nó không có danh, có sắc nên nó có đặc tính khó nhận biết.

Chương 4

Ý NGHĨA NGUYÊN LÝ TÍNH KHÔNG

TRONG TRUNG QUÁN LUẬN CỦA BỒ TÁT LONG THỌ

4.1. Ý nghĩa nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận đối với Phật giáo nói chung

4.1.1. Nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận đối với sự hình thành và phát triển Phật giáo Đại thừa

Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Long Thọ sau khi ra đời đã phá tan sự cố chấp “Có – Không”, đồng thời làm cơ sở, hình thành nên tông phái Trung Luận.

4.1.2. Nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận đối với Phật giáo Thiền tông

Thiền tông mượn nhiều thuật ngữ về Bản thể của *Trung Quán Luận*: Bản tính thanh tịnh, Chân như, Chân tâm, Không, Tính Không, Chân không diệu hữu, Không tướng, Giả danh, Nhân duyên...Tu tứ Thiền ứng với bốn ý nghĩa của Không (vô sắc): 1- *Không vô biên xứ*; 2- *Thức vô biên xứ*; 3- *Vô sở hữu xứ*; 4- *Phi tướng phi phi tướng xứ*.

Lục tổ Huệ Năng của Thiền tông Trung Quốc đã từng ý thức được rằng chính giáo xưa nay không có đốn, tiệm.

4.1.3. Nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận đối với Phật giáo Tịnh Độ tông

Tịnh Độ là một tông phái của Phật giáo Đại thừa tập trung vào mô hình lý tưởng giải thoát ở Tây phương Cực Lạc của Phật A Di Đà. Cõi cực lạc là mảnh đất thanh tịnh, thực tướng là không.

4.1.4. Nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận với Phật giáo Mật tông

Giáo pháp của Phật với một mục đích dùng để giáo hóa độ sinh, trừ mê, khai ngộ, giải thoát, phá trừ sự chấp trước Có – Không. Mật tông lấy đích là Tính Không để tu trì và giáo hóa. Tam mật tức Không.

4.2. Ý nghĩa nguyên lý Tính Không trong Trung Quán Luận đối với Phật giáo Việt Nam

4.2.1. Nguyên lý Tính Không đối với tư tưởng nhập thế của Phật giáo Việt Nam

Thành tựu đó đã được thực hiện bởi nhiều thiền sư nổi tiếng của Phật giáo Việt Nam như:Triều Đình - Lê, thiền sư Pháp Thuận (915 - 990) khi trao đổi với vua Lê Hoàn đã trả lời một cách điển hình theo tinh thần Tính Không về vận nước và nguyên tắc trị vì đất nước bền vững là “*Vô vi ngự cung điện, xứ xứ dứt binh đao*” qua bài *Quốc Tộ* (國祚).

Thời nhà Lý, thiền sư Từ Đạo Hạnh (mất: 1112) có bài thơ “Có Không” nổi tiếng bàn về Tính Không. Đây là một bài thơ chứa đầy triết lý Tính Không: *có thì có tụ mảy may, không thì cả thế giới này cũng không*. *Khóa Hư Lục* của Trần Thái Tông (陳太宗, 1218 – 1277), với tư tưởng Tính Không mà thiết lập tư tưởng Không hư. “Kệ bốn núi”. Bản thể là

Không. Thời Trần còn có Tuệ Trung Thượng Sĩ, tuy là một cư sĩ tại gia song rất uyên thâm tinh thần vô chấp, vô trụ của Tính Không. Ông sống “hòa quang đồng trần”, và ung dung tự tại.

Trần Nhân Tông (1258 - 1308) có bài kệ *Cư trần lạc đạo phú* diễn bày quan điểm Phật học về bản thể của vạn pháp Không không chỉ bằng các khái niệm “thể”, “bản thể” mà còn dùng khái niệm “bản”.

Nguyễn Hùng Hậu trong cuốn *Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam* cũng khẳng định sự tiếp nối tư tưởng Tính Không ở các thiền sư Việt Nam: Nếu ở Tuệ Trung Thượng Sĩ, bản thể vượt ra ngoài mọi đối đãi nhị nguyên, nó vô thị, vô phi, vô hồng vô lục, vô khứ vô lai, vô hậu vô tiền, phi hư phi thực...

4.2.2. Nguyên lý Tính Không và sự dung hợp trong Phật giáo Việt Nam

Tính Không có ảnh hưởng lớn đối với sự dung hợp ba dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường thành một dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử ở Phật giáo Việt Nam.

Thiền phái này do người Nam Thiên Trúc tên là Tỳ Ni Đa Lưu Chi sáng lập, là một thiền phái đã lột tả được tư tưởng vô chấp, chỉ bày được cốt tủy của Phật pháp là Không, sự giác ngộ siêu vượt ngôn ngữ, siêu việt Hữu – Vô, siêu việt ngôn ngữ văn tự.

Thiền phái Vô Ngôn Thông do thiền sư người Trung Quốc tên Vô Ngôn Thông sáng lập. Thiền sư Đạo Huệ nói về pháp đã dùng “Diệu thể” với “sắc thân”. Bản thể và thế giới hiện tượng không tách rời nhau.

Thiền phái Thảo Đường được sáng lập nhờ công thiền sư người Trung Quốc tên là Thảo Đường. Trong các thiền sư của thiền phái Vân Môn đều chịu ảnh hưởng thiền bác học và có khuynh hướng văn học.

Thiền sư Thích Thanh Từ có dạy rằng người học Thiền cần nói và hành động đi đôi với nhau. Tâm biết cuộc đời là mộng, biết rõ mộng, cười vỡ mộng. Mộng là giả tạm, không thực, biết bản thể thế giới là Không.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng thường nhắc nhở mặt trái của sức mạnh lời nói, Thiền là siêu thoát. Nếu chỉ nói ngôn mà không hành, là lời nói suông, nếu không bảo là nói dối. Bớt nói và ít nói là phương tiện tối thiểu để trị bệnh này.

4.3. Ý nghĩa nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* đối với con người Việt Nam hiện nay

Nguyên nhân dẫn tới chiến tranh, là do sự chấp tham, sân, si, tà kiến với những cố chấp có – không. Để giảm bớt chiến tranh gạt bỏ được tham sân, si, ... con người Việt Nam, nên quán chiếu vạn pháp giai Không, không chấp, sống với hạnh buông xả, thương từ bi, không chấp vào có – không.

Để gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc. Chúng ta cần phải tuyên truyền, tăng cường việc trao đổi, giao lưu, tiếp thu, văn hóa có liên hệ tới Tính Không.

Mở rộng đạo tràng, khuyến khích mọi người giao lưu, thực tập, tu tập, quy y Tam Bảo hướng lành, áp dụng tinh thần nhập thế tùy tục, theo tinh thần nguyên lý Tính Không.

Việc phổ biến văn hóa phi vật thể Quan họ Bắc Ninh, có thể dùng thuyết Tính Không trong *Trung Quán Luận* để phân tích tính đặc sắc của văn hóa Quan họ Bắc Ninh. Triết lý chơi quan họ, “*chơi cho trăm trái núi chui vào trôn kim như “càn khôn tận thị mao đầu thượng, nhật nguyệt bao hàm giới tử trung”*”.

Tính Không trong *Trung Quán Luận* có thể giúp cho con người Việt Nam có cơ hội chủ động tư duy sáng tạo biết khế lý, khế cơ với thời cuộc, để gìn giữ văn hóa giữ nước, góp phần phát triển đất nước. Tính Không giúp người nghiên cứu về triết học giải tỏa phiền não, cân bằng tâm thức từ bỏ cuộc thành hy vọng. Một số hạn chế và giải pháp với nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận*. Do Tính Không có tính cao siêu, khó hiểu, biện pháp phủ định Bát bất dễ làm cho mọi người hiểu lầm không còn gì hiện hữu trên cuộc đời. Giải pháp cần phải tu hành, giáo dục, nghiên cứu kỹ về Tính Không...để tránh hiểu lầm về Tính Không không có gì.

KẾT LUẬN

Nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ, chúng ta nhận thức rõ được nền tảng triết học cơ bản cho sự trường tồn, phát triển của tư tưởng triết học Phật giáo và sự lan tỏa sâu rộng của nó, đồng thời lý giải được khả năng nhập thế để giải đáp những vấn đề đời sống nhân sinh xã hội.

Nguyên lý Tính Không được phản ánh một cách hệ thống trong bản thể luận, nhận thức luận, giải thoát luận của triết học Phật giáo. Song đó là sự kế thừa có chọn lọc từ triết học truyền thống bề thế của Ấn Độ cổ trước Phật giáo. Đó là kế thừa tư tưởng về Ngã (atman), Phạm thiên (Brahman) của *Veda*, *Upanishad*, *Yoga*.. và các trường phái triết học (dasanas). Trên cơ sở nguyên lý Tính Không, Triết học Phật giáo là một hệ thống mở với bản thể luận Duyên khởi, Vô thường, Vô ngã, nhận thức luận hướng nội, vô chấp vô trụ, giải thoát luận vô thân, vị tha, bình đẳng. Nội dung cơ bản của Tính Không nằm trong các thuyết Duyên sinh, Vô ngã, Vô thường mà Đức Phật đã giảng từ lần chuyển pháp luân đầu tiên và liên tục được triển khai nhất quán trên các phương diện qua hệ thống kinh điển *Kinh*, *Luật* và *Luận*.

Trung Quán Luận là tác phẩm tiêu biểu cho triết học của Phật giáo Đại thừa, đúc kết tư tưởng triết học về Tính Không của Phật giáo nguyên thủy từ các kinh *Đại Không*, *Tiểu Không* và đặc biệt là kinh *Bát Nhã*. *Trung Quán Luận* là một tác phẩm mà tư tưởng “Không” của Phật giáo đã được Long Thọ nâng lên thành nguyên lý Tính Không với tư cách một hệ thống lý luận trình bày bản chất “Không” của tồn tại của nhận thức và giải thoát, tạo tiền đề triết học cho sự phát triển phong trào Đại thừa Phật giáo (Thiền, Tịnh, Mật).

Long Thọ đã khai thác lại tư tưởng Tính Không trong *Kinh Bát Nhã*, trùng tuyên lại một cách hệ thống thành nguyên lý Tính Không, định nghĩa rõ Tính Không là bản chất không có tự tính của mọi sự vật và hiện tượng. Xuyên suốt tác phẩm *Trung Quán Luận*, Long Thọ luôn luôn nhất quán bảo vệ bản thể luận Tính Không trong mọi tình huống nhằm giúp cho mọi người hiểu được thực chất của vạn pháp vốn là Không. Nhận thức Luận nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận*, Long Thọ đã trở lại giải

thích Chân như, hai loại chân lý, pháp chấp, phá sai lầm nhị nguyên trên tất cả các vấn đề của giáo lý Phật giáo như: Có - Không, Niết bàn, Khổ, Nghiệp, Nhân- quả...

Ngoài ra, Long Thọ còn xây dựng cấu trúc tư duy phủ định của phủ định của Nguyên lý Tính Không và từ đó đưa ra phương pháp Bát Bất để khắc phục lỗi tư duy thông thường (thuộc Tục đế) một cách thuyết phục và hợp lý.

Nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* đã được Long Thọ phát hiện có một số đặc điểm triết học cơ bản như: *Tính khách quan* vốn có của sự vật, hiện tượng. *Tính phổ biến* biểu hiện ở bất kỳ của sự vật hiện tượng, ở toàn thể hay cá thể. *Tính thực tiễn* của nguyên lý Tính Không nó có thể giúp cho nhận thức luận, bản thể luận vượt qua hiện tượng đến với bản chất vốn có của tồn tại. *Tính siêu vượt ngôn ngữ, hiện tượng* là tính chất đích thực của sự vật hiện tượng, nó không có tự tính cố định. *Tính Khó nhận biết* bởi nó siêu vượt mọi hiện tượng, hình tướng và ngoài ngôn ngữ. Mọi cái nói về Tính Không đều chỉ là tạm mượn để diễn đạt về nó một cách tương đối mà thôi.

Nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* chính là cơ sở triết học đầy đủ cho sự hình thành phát triển Phật giáo Đại thừa. Tịnh Độ tông, Thiền tông và Mật tông đều là những hình thức đa dạng của Phật giáo Đại thừa và đều phát triển trên cơ sở nguyên lý Tính Không.

Ở Việt Nam, *Trung Quán Luận* được truyền vào từ Trung Quốc qua Phật giáo bác học. Thời kỳ Phật giáo Việt Nam hưng thịnh, các nhà tư tưởng Phật giáo cũng như Phật học đều không bỏ qua tư tưởng cơ bản này của Phật giáo Đại thừa. Chẳng hạn, vua Trần Thái Tông với tác phẩm *Khoá Hư Lục* đã hệ thống lại Phật học và triển khai một số nội dung liên quan đến Tính Không; vua Phật Trần Nhân Tông khai sáng thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử của Việt Nam trên cơ sở đã liễu ngộ nguyên lý Tính Không, đã vượt ngoài mọi sự chấp và thể hiện sinh động thành tinh thần đạo – đời, đời – đạo trong bài “*Cư Trần Lạc Đạo Phú*”. Ngoài ra, ở Việt Nam còn thiền sư cư sĩ Tuệ Trung Thượng Sĩ nổi tiếng am hiểu nguyên lý Tính Không và vận dụng tính độc đáo của nó trong đời thường một cách sinh động. Trong tiến trình phát triển Phật giáo Việt Nam, các vị thiền sư

tiếp thu và vận dụng nguyên lý Tính Không , vừa chứng đạo giải thoát, giác ngộ, vừa hộ quốc an dân, hóa độ chúng sinh.

Có thể nói, giá trị tư tưởng Phật giáo nói chung, nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* nói riêng đã ảnh hưởng không nhỏ tới lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên nếu không nắm vững tính biện chứng phủ định của nguyên lý này, sẽ dễ sa vào thái cực tuyệt đối hóa Tính Không, hoặc chủ nghĩa hư vô, hoặc hoài nghi tất cả, tức là đối cực với tuyệt đối hóa Hữu (Có). Ngược lại, nếu vận dụng được nguyên lý Tính Không như các Thiền sư, các vua Phật thời Lý – Trần, thì hôm nay, khi Phật giáo đang rất thịnh vượng và cũng được sự yêu chuộng của đông đảo dân chúng và cả các cấp chính quyền, Phật giáo sẽ có khả năng mở rộng vô tận khả năng đóng góp (kết hợp đạo với đời, đời với đạo) một cách sinh động vào các công cuộc của đất nước như: đổi mới tư duy, xây dựng đạo đức môi trường, xây dựng tinh thần chống tham nhũng, đổi mới ý thức tham gia giao thông... Như vậy, với giá trị của nguyên lý Tính Không, tư duy biện chứng của Phật giáo có thể góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Tuy nhiên, đến nay ở Việt Nam việc nghiên cứu về nguyên lý Tính Không trong *Trung Quán Luận* của Bồ Tát Long Thọ cũng mới bắt đầu được nhiều giới chuyên môn quan tâm, tuy nhiên đầu tư cho việc nghiên cứu này chưa được tương xứng với vị thế của nó. Song những kết quả nghiên cứu bước đầu đã, đang và sẽ đưa thêm nhận thức luận độc đáo về Tính Không vào nhận thức về Phật giáo và cả về cuộc sống. Từ đó góp phần củng cố, phổ biến, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, tinh hoa của triết học Phật giáo nói chung và Phật giáo Việt Nam ngày một thêm phong phú./.